

Số: /SNNMT-CCKL
V/v hướng dẫn thực hiện Đề án dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu;
- Các cơ sở sản xuất và cung ứng nước sạch;
- Các cơ sở sản xuất công nghiệp có sử dụng nước từ nguồn nước;
- Các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí;
- Các tổ chức, cá nhân nuôi trồng thủy sản.

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố: số 3202/QĐ-UBND ngày 09/8/2025 về việc thành lập Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng thành phố Hải Phòng trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hải Phòng (trên cơ sở hợp nhất Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng thành phố Hải Phòng trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng và Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Hải Dương trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hải Dương); số 3793/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 về việc về việc ban hành Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng thành phố Hải Phòng trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hải Phòng;

Thực hiện nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân thành phố giao tại khoản 1 Điều 2 Quyết định số 3252/QĐ-UBND ngày 18/10/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc Phê duyệt Đề án dịch vụ môi trường rừng thành phố Hải Phòng. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) phối hợp với Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng thành phố, các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu có liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn thành phố theo Đề án được duyệt, cụ thể như sau:

1. Đối tượng phải trả tiền dịch vụ môi trường rừng

Thực hiện theo quy định tại Điều 63 Luật Lâm nghiệp năm 2017; quy định tại Điều 57 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; quy định tại khoản 26, Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 sửa đổi, bổ

sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp và khoản 3 Điều 1 Quyết định số 3252/QĐ-UBND ngày 18/10/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc Phê duyệt Đề án dịch vụ môi trường rừng thành phố Hải Phòng, cụ thể như sau:

a) Đối tượng phải trả tiền dịch vụ môi trường rừng:

- Cơ sở sản xuất và cung ứng nước sạch phải chi trả tiền dịch vụ về điều tiết và duy trì nguồn nước cho sản xuất nước sạch;

- Cơ sở sản xuất công nghiệp phải chi trả tiền dịch vụ về điều tiết và duy trì nguồn nước cho sản xuất công nghiệp;

b) Đối tượng tiềm năng phải trả tiền dịch vụ môi trường rừng khi đáp ứng điều kiện quy định của Luật Lâm nghiệp:

- Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí phải chi trả tiền dịch vụ về bảo vệ, duy trì vẻ đẹp cảnh quan tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học hệ sinh thái rừng;

- Tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh gây phát thải khí nhà kính lớn phải chi trả tiền dịch vụ về hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng;

- Cơ sở nuôi trồng thủy sản phải chi trả tiền dịch vụ cung ứng bãi đẻ, nguồn thức ăn, con giống tự nhiên, nguồn nước và các yếu tố từ môi trường, hệ sinh thái rừng cho nuôi trồng thủy sản;

- Các đối tượng khác theo quy định của pháp luật.

Các đối tượng trên đây gọi tắt là (đối tượng phải trả tiền dịch vụ môi trường rừng).

2. Hình thức và phương thức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng

Theo quy định tại khoản 3 Điều 63 Luật Lâm nghiệp năm 2017 và khoản 5 Điều 1 Quyết định số 3252/QĐ-UBND ngày 18/10/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc Phê duyệt Đề án dịch vụ môi trường rừng thành phố Hải Phòng, cụ thể như sau:

a) Các cơ sở sản xuất và cung ứng nước sạch; cơ sở sản xuất công nghiệp có sử dụng nước từ nguồn nước phục vụ sản xuất công nghiệp:

- Hình thức chi trả: Chi trả ủy thác qua Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng thành phố Hải Phòng.

- Phương thức chi trả: Các cơ sở sản xuất và cung ứng nước sạch, cơ sở sản xuất công nghiệp có sử dụng nước từ nguồn nước, nộp tiền vào tài khoản của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng thành phố Hải Phòng thông qua hợp đồng ủy thác cho Quỹ (theo Mẫu số 01 kèm theo Phụ lục VI Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp) thực hiện chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng cho các bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng.

b) Các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong phạm vi khu rừng:

- Chi trả trực tiếp cho đối tượng cung ứng dịch vụ môi trường rừng (không thông qua Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng thành phố) theo hợp đồng thỏa thuận tự nguyện giữa hai bên.

- Chi trả ủy thác qua Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng thành phố Hải Phòng trong trường hợp bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng và bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng không thỏa thuận được hợp đồng chi trả dịch vụ môi trường rừng theo hình thức chi trả trực tiếp.

3. Mức chi trả và xác định số tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng

Căn cứ quy định tại Điều 59 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp và quy định tại khoản 27, Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, cụ thể như sau:

a) Mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng áp dụng đối với cơ sở sản xuất và cung ứng nước sạch là 52 đồng/m³ nước thương phẩm. Sản lượng nước để tính tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng là sản lượng nước của cơ sở sản xuất và cung ứng nước sạch bán cho người tiêu dùng.

Số tiền phải chi trả dịch vụ môi trường rừng trong kỳ hạn thanh toán được xác định bằng sản lượng nước thương phẩm trong kỳ hạn thanh toán (m³) nhân với mức chi trả dịch vụ môi trường rừng tính trên 1 m³ nước (52 đồng/m³).

b) Mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng đối với cơ sở sản xuất công nghiệp có sử dụng nước từ nguồn nước là 50 đồng/m³. Khối lượng nước để tính tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng là khối lượng nước cơ sở sản xuất công nghiệp đã sử dụng, tính theo đồng hồ đo nước hoặc theo lượng nước được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoặc theo chứng từ mua bán nước giữa cơ sở sản xuất công nghiệp với đơn vị kinh doanh nước.

Số tiền phải chi trả dịch vụ môi trường rừng trong kỳ hạn thanh toán được xác định bằng khối lượng nước (m³) do cơ sở sản xuất công nghiệp sử dụng nhân với mức chi trả dịch vụ môi trường rừng tính trên 1 m³ nước (50 đồng/m³).

c) Mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng của các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí quy định tại điểm d khoản 2 Điều 63 của Luật Lâm nghiệp tối thiểu bằng 1% tổng doanh thu thực hiện trong kỳ. Trường hợp chi trả ủy thác thông qua Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng thành phố Hải Phòng, mức chi trả cụ thể do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

d) Mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng của tổ chức nuôi trồng thủy sản hoặc liên kết với các hộ gia đình, cá nhân nuôi trồng thủy sản quy định tại điểm e khoản 2 Điều 63 của Luật Lâm nghiệp tối thiểu bằng 1% tổng doanh thu thực hiện trong kỳ. Trường hợp chi trả ủy thác thông qua Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng

thành phố Hải Phòng, mức chi trả cụ thể do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

4. Đăng ký kế hoạch, phương thức chi trả và thời hạn nộp tiền

a) Đăng ký kế hoạch:

- Trước ngày 15/10 hằng năm, các cơ sở phải trả tiền dịch vụ môi trường rừng gửi đăng ký kế hoạch nộp tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng của năm tiếp theo cho Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng thành phố Hải Phòng theo Mẫu số 02 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

- Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày kết thúc quý, các cơ sở phải trả tiền dịch vụ môi trường rừng lập bản kê nộp tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng gửi cho Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng thành phố Hải Phòng theo Mẫu số 03 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

- Chậm nhất 50 ngày kể từ ngày kết thúc năm, các cơ sở phải trả tiền dịch vụ môi trường rừng tổng hợp tình hình nộp tiền dịch vụ môi trường rừng gửi Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng thành phố Hải Phòng theo Mẫu số 04 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 /11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

b) Phương thức chi trả: Các cơ sở phải trả tiền dịch vụ môi trường rừng chuyển khoản số tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng vào tài khoản của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng thành phố Hải Phòng:

- Trụ sở của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng thành phố Hải Phòng: Địa chỉ số 275 đường Lạch Tray, phường Gia Viên, thành phố Hải Phòng.

- Tài khoản số: 3761.0.1130136.91029

- Tại: Kho bạc Nhà nước Khu vực III

c) Thời hạn nộp tiền:

- Các cơ sở phải trả tiền dịch vụ môi trường rừng nộp tiền dịch vụ môi trường rừng cho Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng thành phố Hải Phòng theo từng quý, thời gian nộp tiền chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý đối với Quý I, II, III; 45 ngày kể từ ngày kết thúc quý đối với Quý IV.

5. Đối với Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các sở, ngành, Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng thành phố Hải Phòng kiểm tra, đôn đốc các cơ sở phải trả tiền dịch vụ môi trường rừng thuộc địa bàn quản lý của các xã, phường, đặc khu thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn thành phố Hải Phòng theo Đề án được duyệt.

- Phối hợp với Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng thành phố Hải Phòng, cơ quan kiểm lâm rà soát các cơ sở phải trả tiền dịch vụ môi trường, cập nhật bản đồ chi trả dịch vụ môi trường rừng, xác định diện tích rừng đủ điều kiện cung ứng dịch vụ

môi trường rừng và danh sách các đơn vị chủ rừng là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, xác định diện tích rừng chưa giao, chưa cho thuê đủ điều kiện cung ứng dịch vụ môi trường rừng của Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng.

- Hàng năm, phối hợp với Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng thành phố Hải Phòng tuyên truyền, hướng dẫn, đôn đốc các cơ sở phải trả tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn quản lý của xã, phường, đặc khu thực hiện nghĩa vụ nộp tiền dịch vụ môi trường rừng theo quy định; kiểm tra, nghiệm thu, giám sát, tổng hợp báo cáo kết quả sử dụng kinh phí chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng; chủ trì giải quyết những vướng mắc phát sinh trong việc thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn quản lý.

6. Đối với các cơ sở phải trả tiền dịch vụ môi trường rừng

Có trách nhiệm thực hiện đúng quy định về nghĩa vụ nộp tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng theo quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Quyết định số 3252/QĐ-UBND ngày 18/10/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc Phê duyệt Đề án dịch vụ môi trường rừng thành phố Hải Phòng và các quy định pháp luật hiện hành.

Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; các đơn vị, tổ chức, cá nhân phải trả tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn thành phố Hải Phòng thực hiện theo đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND TPHP (để b/c);
- CT, PCT UBND TP Trần Văn Quân (để b/c);
- GD Sở, PGD Sở Vũ Bá Công;
- Công TTĐT Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Các thành viên HĐQT QBVPTRTPHP;
- Ban Kiểm soát Quỹ;
- Quỹ BVPTRTPHP;
- Chi cục Kiểm lâm
- Lưu: VT, CCKL.

(để p/h thực hiện);

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Vũ Bá Công

